

Sổ Điểm

Học phần **Pháp luật (VIE1026)**

Lớp **PHAPLUAT_01_1**

Thời gian **2022-03-09 - 2022-03-24**

Học kỳ **Spring 2022 - Block 2**

#	Mã sinh viên	Họ và tên	Assignment (0%)	Điểm thường đúng tiến độ (0%)	Điểm thường tích cực (0%)	Final exam (100%)	Quiz online 1 (0%)	Quiz online 2 (0%)	Quiz online 3 (0%)	Quiz online 4 (0%)	Quiz online 5 (0%)	Quiz online 6 (0%)	Quiz online 7 (0%)	Quiz online 8 (0%)	Điểm tổng kết	Trạng thái
1	PD04487	Đặng Thị Bích Diệu	5.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
2	PK01807	Đậu Quốc Hiếu	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
3	PK01988	Nguyễn Tú Tú	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
4	PS12356	Lê Minh Kiệt	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
5	PS12479	Nguyễn Lê Khánh Trình	8.3	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
6	PS13574	Nguyễn Thị Quỳnh Như	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
7	PS13864	Bành Duy An	8.3	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
8	PS14713	Vũ Văn Hoạt	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
9	PS14878	Đỗ Phương Duy	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
10	PS14985	Nguyễn Thành Lập	8.3	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
11	PS14991	Trần Ngọc Duy	8.3	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
12	PS14996	Lê Khánh An	6.7	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
13	PS14997	Nguyễn Bảo Trọng	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
14	PS15001	Nguyễn Quốc Huy	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
15	PS15004	Nguyễn Thị Phước Trinh	10.0	0.5	0.5	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
16	PS15005	Thái Châu Phương Linh	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
17	PS15007	Nguyễn Thị Tường Vi	8.3	0.5	0.5	7.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.5	Đạt
18	PS15010	Bùi Huy Hoàng	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
19	PS15013	Nguyễn Minh Hoài	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
20	PS15020	Hà Văn Dự	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
21	PS15028	Lê Huy	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
22	PS15035	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
23	PS15036	Đỗ Hữu Trường	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
24	PS15040	Võ Thanh Nhân	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
25	PS15042	Ngô Đặng Tuấn Huy	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
26	PS15044	Nguyễn Lê Trung Hậu	10.0	0.5	0.5	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
27	PS15049	Đinh Văn Hiếu	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
28	PS15055	Huỳnh Ngọc Khoa	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
29	PS15067	Nguyễn Văn Thực	10.0	0.5	0.5	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
30	PS15079	Nguyễn Thọ Đình	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
31	PS15094	Phạm Thanh Tâm	8.3	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
32	PS15099	Lưu Khải Tường	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
33	PS15146	Nguyễn Phương Dũng	10.0	0.5	0.5	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.7	Đạt
34	PS15384	Võ Nhật Hùng	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
35	PS15390	Lạc Hào Nam	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
36	PS15400	Vy Văn Đại	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt

37	PS15402	Mai Quang Viễn	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
38	PS15406	Huỳnh Thuận Phát	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
39	PS15415	Nguyễn Thanh Sơn	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
40	PS15418	Mai Thanh Huy	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
41	PS15421	Huỳnh Duy Khang	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
42	PS15425	Nguyễn Quốc Hùng	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
43	PS15429	Nguyễn Hoàng Anh	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
44	PS15430	Đặng Quốc Bảo	10.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
45	PS15434	Lý Huỳnh Phương Nam	8.3	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
46	PS15436	Lê Vũ Duy Khôi	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
47	PS15443	Trần Thị Thúy An	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
48	PS15450	Lê Đỗ Đức Tuấn	8.3	0.5	0.5	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	Đạt
49	PS15451	Huỳnh Thanh Vũ	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
50	PS15455	Trần Quốc Tài	8.3	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
51	PS15457	Nguyễn Quang Duy	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
52	PS15463	Mai Bảo Khanh	5.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
53	PS15464	Nguyễn Hoàng Anh Khải	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
54	PS15466	Nguyễn Duy Khánh	8.3	0.5	0.5	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt
55	PS15469	Thùy Lê Vy	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
56	PS15470	Phan Thái Tôn	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
57	PS15754	Nguyễn Ngọc Thuận	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
58	PS15774	Nguyễn Phước Vũ	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
59	PS15787	Ngô Trần Thế Hậu	5.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
60	PS15790	Huỳnh Quảng Quý	10.0	0.5	0.5	5.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.7	Đạt
61	PS15795	Lê Trương Từ	10.0	0.5	0.5	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.7	Đạt
62	PS15796	Nguyễn Xuân Tất Thành	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
63	PS15820	Phạm Lê Quốc Khánh	8.3	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
64	PS15821	Trương Triệu Khang	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
65	PS15828	Phạm Lục Hào	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
66	PS15837	Trương Huỳnh Phúc	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
67	PS15846	Vũ Tuấn Kiên	10.0	0.5	0.5	6.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.5	Đạt
68	PS16021	Nguyễn Công Thanh	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
69	PS16033	Phạm Thị Tuyết Linh	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
70	PS16447	Phan Trường Vỹ	10.0	0.5	0.5	6.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.3	Đạt
71	PS16689	Phạm Thế Nhân	8.3	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
72	PS16877	Đặng Minh Tài	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
73	PS17121	Vũ Thị Hồng Loan	10.0	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
74	PS17275	Huỳnh Trọng Nghĩa	8.3	0.5	0.5	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	Đạt
75	PS17318	Đỗ Hoàng Long	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
76	PS17479	Nguyễn Trường Doanh	8.3	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
77	PS17778	Lê Chí Thiện	10.0	0.5	0.5	7.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.7	Đạt
78	PS18360	Phạm Thị Thảo Ngân	8.3	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
79	PS18418	Nguyễn Ngọc Hạnh	10.0	0.5	0.5	5.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.8	Đạt
80	PS19024	Nguyễn Ngọc Đăng Khoa	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
81	PS19052	Nguyễn Lê Minh Quân	5.0	0.5	0.5	6.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.0	Đạt
82	PS19054	Đặng Trần Minh Đức	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt

83	PS19112	Huỳnh Bội Danh	10.0	0.5	0.5	6.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.8	Đạt
84	PS19113	Phan Thị Trúc Nhi	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
85	PS19114	Nguyễn Đức Hoàng	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
86	PS19120	Hồ Phương Vy	10.0	0.5	0.5	8.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0	Đạt
87	PS19122	Nguyễn Thị Hạnh	10.0	0.5	0.5	8.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.0	Đạt
88	PS19164	Nguyễn Trương Trà My	10.0	0.5	0.5	7.8	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.8	Đạt
89	PS19168	Cáp Thị Diễm Anh	8.3	0.5	0.5	7.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.2	Đạt
90	PS19190	Hoàng Đình Bảo	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
91	PS19248	Vũ Xuân Trường	10.0	0.5	0.5	6.7	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.7	Đạt
92	PS19253	Nguyễn Thái Hoàng	10.0	0.5	0.5	8.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.2	Đạt
93	PS19269	Phạm Ngọc Khánh Trâm	10.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
94	PS19272	Diệp Nhật Hòa	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
95	PS19292	Lê Văn Ngọc	8.3	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
96	PS19295	Trần Quốc Duy	10.0	0.5	0.5	7.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.0	Đạt
97	PS19300	Tăng Thành Thêm	10.0	0.5	0.5	7.3	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	8.3	Đạt
98	PS19327	Nguyễn Kim Ngân	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
99	PS19328	Nguyễn Thị Ánh	10.0	0.5	0.5	6.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	7.2	Đạt
100	PS19337	Cao Thị Kiều Anh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Trượt
101	PS19393	Nguyễn Quang Duy	5.0	0.5	0.5	0.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	1.0	Trượt
102	PS19814	Võ Văn Thìn	10.0	0.5	0.5	8.2	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	9.2	Đạt
103	PS19867	Nguyễn Hồ Vũ Khang	10.0	0.5	0.5	5.5	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	6.5	Đạt

Chủ nhiệm bộ môn

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022
Giảng viên phụ trách